TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 07/2025/QĐST-DS	*G, ngày 22 tháng 01 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA TẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự đã thỏa Tận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 569/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa Tận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa Tận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa Tận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa Tận giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Trần Thị T, sinh năm 1956; địa chỉ: số 359 ấp B, xã B1, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn*: bà Huỳnh Thị Mộng T, sinh năm 1965; địa chỉ: số 796, ấp B, xã B1, huyện G, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1965; địa chỉ: số 796, ấp B, xã Bình Hòa, huyện G, tỉnh B.

2. Sự thỏa Tận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Huỳnh Thị Mộng T và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị T số tiền còn nợ trong hợp đồng vay tài sản là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng). Ghi nhận việc bà T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Về thời gian và phương thức trả số tiền nêu trên được các bên thỏa Tận thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự, không yêu cầu Tòa án ghi nhận trong quyết định.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch do hoà giải thành được giảm 50% theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án (50.000.000đ x 2,5%): ghi nhận việc bà Huỳnh Thị Mộng T và ông Nguyễn Văn C đồng ý liên đới nộp toàn bộ án phí. Do đó, bà Huỳnh Thị Mộng T và ông Nguyễn Văn C phải liên đới nộp số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- TAND tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Duyên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Hôm nay, vào hồi …….. giờ ……phút, ngày ……..

Tại: Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện G

* Bên giao: bà Đặng Thị Ngọc Duyên – Thẩm phán Tòa án

* Bên nhận: ……- ……Viện kiểm sát nhân dân huyện G.

Tiến hành giao nhận: Quyết định số 07/2025/QĐST-DS ngày 22/01/2025 của TAND huyện G về công nhận sự thỏa Tận của các đương sự (Trần Thị T – Huỳnh Thị Mộng T).

Hai bên được nghe, đọc biên bản và đồng ý ký tên

Biên bản kết thúc vào hồi ….. giờ ….. phút cùng ngày.

Người giao Người nhận

Đặng Thị Ngọc Duyên ,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,,